

Số: 166 /2023/QĐST-HNGĐ

Sơn Trà, ngày 02 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LÝ HÔN

VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SU

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUÂN S - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ các điều 212, 213 và 397 của Bộ Luật Tổ tụng dân sự.

Căn cứ các điều 55 và 131 Luật Hôn nhân và Gia đình:

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 152/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2023 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung*” gồm những người tham gia tổ tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Lê Hữu Th, sinh năm 1965; địa chỉ: Xóm 5, xã Q, huyện Đ, tỉnh Nghệ An và bà Trần Thị Nh, sinh năm 1969; địa chỉ: Số 21 đường Thố L, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Lê Hữu Th và bà Trần Thị Nh kết hôn với nhau vào năm 1989, đăng ký kết hôn tại UBND phường A, quận 3, thành phố Đà Nẵng nay là UBND phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng (Giấy chứng nhận kết hôn số 85, ngày 23/11/1989). Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, trong thời gian chung sống do điều kiện ông bà ở cách nhau xa, cả hai đã sống ly thân từ năm 1992 và mỗi người đã có cuộc sống riêng không ai quan tâm ai. Ông Th và bà Nh không còn tình cảm và yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông bà được thuận tình ly hôn.

Xét, mâu thuẫn giữa ông Th và bà Nh đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không có hạnh phúc, khả năng hàn gắn không còn nên cả hai tự nguyện thuận tình ly hôn. Do vậy, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Lê Hữu Th và bà Trần Thị Nh là phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] *Về con chung*: Ông Th và bà Nh xác nhận có một con chung tên Lê Thị Kiều O, sinh ngày 19/8/1990. Ly hôn, con đã đủ 18 tuổi nên không đề cập đến.

[3] *Về tài sản chung*: Ông Th và bà Nh xác nhận không có.

[4] *Về nợ chung*: Ông Th và bà Nh xác nhận không có.

[5] *Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Ông Th và bà Nh mỗi người phải chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*).

Việc thuận tình ly hôn của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn lập ngày 25 tháng 7 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Lê Hữu Th và bà Trần Thị Nh (*Giấy chứng nhận kết hôn số 85 do Ủy ban nhân dân phường A, quận 3, thành phố Đà Nẵng nay là Ủy ban nhân dân phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng cấp cho ông Th và bà Nh ngày 23/11/1989 không còn giá trị pháp lý*).

- Về con chung: Ông Th và bà Nh có một con chung tên Lê Thị Kiều O, sinh ngày 19/8/1990 đã đủ 18 tuổi nên không đề cập đến.

- Về tài sản chung: Không có

- Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm ông Lê Hữu Th và bà Trần Thị Nh mỗi người phải chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*). Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí hôn nhân gia đình là 300.000đ (*Ba*

trăm ngàn đồng) ông Lê Hữu Th và bà Trần Thị Nh đã nộp tại biên lai thu số 0003927 ngày 20/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Như vậy, ông Th và bà Nh đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND quận S;
- Chi cục THADS quận S;
- UBND phường A;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Quốc Vũ